

Thứ hai, ngày 9 tháng 11 năm 2020

Vietnam Daily Review

VNIndex tăng tích cực sau khi Kết quả Bầu cử Mỹ ngã ngũ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 10/11/2020		•	
Tuần 9/11-13/11/2020		•	
Tháng 11/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index có một phiên giao dịch hưng khởi sau khi ông Joe Biden giành đa số phiếu trong cuộc Bầu cử Mỹ, mở ra viễn cảnh quay lại Hiệp định TPP của nước này. Dòng tiền đầu tư gia tăng khi tất cả nhóm ngành đều tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại vẫn đang bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Thanh khoản thị trường tăng mạnh so với phiên trước, đồng thời độ rộng thị trường ở trạng thái tích cực cho thấy các nhà giao dịch hiện đang khá lạc quan. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex có thể sẽ có sự giằng co nhất định và vùng dao động của chỉ số trong những phiên tới tiềm năng là tại khu vực 945-960 điểm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 919 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 9/11/2020, chứng quyền và chứng khoán cơ sở đa số ở trong sắc xanh. Giá trị giao dịch tăng so với phiên hôm trước.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_EVFTA_4.1%**

Phân tích kỹ thuật: TNG_Bứt phá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+13.7** điểm, đóng cửa **951.99**. HNX-Index **+2.3** điểm, đóng cửa **141.61**.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+2.15); MSN (+1.96); HPG (+1.04); VIC (+0.94); CTG (+0.73)**.
- Kéo chỉ số giảm: **NVL (-0.16); SAB (-0.07); KOS (-0.03); ASG (-0.03); FLC (-0.02)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **7,052 tỷ đồng, +48.59%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là **13.7** điểm. Thị trường có **318** mã tăng, 60 mã tham chiếu và **117** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-203.71** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MSN (-183.1 tỷ), HPG (-40.8 tỷ) và NVL (-27.2 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-1.15** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX	951.99
Giá trị: 7052.17 tỷ	13.7 (1.46%)
Khối ngoại (ròng): -203.71 tỷ	

HNX-INDEX	141.61
Giá trị: 480.7 tỷ	2.3 (1.65%)
Khối ngoại (ròng): -1.15 tỷ	

UPCOM-INDEX	64.02
Giá trị: 0.48 tỷ	0.45 (0.71%)
Khối ngoại(ròng): 5.16 tỷ	

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	38.0	2.34%
Giá vàng	1,962	0.56%
Tỷ giá USD/VND	23,176	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	27,557	0.64%
Tỷ giá JPY/VND	22,395	-0.07%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	16.92%
LS TPCP 5 năm	1.3%	-1.48%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	67.1	MSN	183.1
VCB	44.5	HPG	40.8
HSG	30.3	NVL	27.2
FUEVFN	18.7	MBB	27.1
SBT	11.9	KDH	23.1
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-Invest	Trang 2
Thị trường hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_EVFTA_4.1%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	17/26 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
EVFTA	4.1%	4.1%	7.6%	5.4%	6.5%	6.5%	19.9%
Đầu tư công	3.6%	3.6%	6.9%	5.3%	31.5%	24.0%	25.3%
Lãi suất giảm	3.4%	3.4%	10.2%	8.1%	33.3%	29.2%	31.7%
Corona Avengers	3.2%	3.2%	6.9%	4.7%	22.3%	17.8%	33.6%
Chiến tranh thương mại	2.7%	2.7%	5.7%	7.0%	31.5%	13.8%	30.2%
Xây dựng	2.7%	2.7%	6.7%	4.4%	28.0%	18.3%	29.9%
Vật liệu Xây dựng	2.7%	2.7%	3.0%	6.1%	27.2%	24.3%	28.0%
Stay-at-home	2.4%	2.4%	9.0%	7.0%	29.4%	35.4%	32.6%
Hàng tiêu dùng	2.2%	2.2%	7.8%	14.8%	35.7%	24.6%	28.7%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	2.1%	2.1%	3.2%	9.3%	27.7%	13.5%	26.8%
MSCI frontier 100 Việt Nam	1.8%	1.8%	2.8%	8.9%	19.0%	3.0%	24.6%
VN Diamond	1.8%	1.8%	3.3%	5.1%	20.9%	-0.5%	30.5%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.8%	1.8%	3.2%	6.3%	25.1%	5.8%	29.3%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	1.7%	1.7%	3.2%	2.0%	21.4%	24.0%	21.1%
VN FinSelect	1.6%	1.6%	3.3%	3.1%	16.8%	4.1%	29.4%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	1.5%	1.5%	3.1%	2.8%	17.0%	4.1%	30.9%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	1.5%	1.5%	3.2%	7.4%	24.0%	-0.4%	31.4%
Nước & Năng lượng	1.5%	1.5%	2.5%	-1.0%	14.8%	3.3%	25.2%
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.3%	1.3%	4.4%	7.6%	26.6%	18.9%	30.0%
Dầu khí	1.3%	1.3%	3.1%	-3.0%	9.1%	-16.6%	37.9%
FTSE Việt Nam	1.3%	1.3%	1.4%	5.7%	15.5%	3.1%	24.7%
Ngân Hàng	1.2%	1.2%	3.2%	7.2%	29.6%	18.3%	32.7%
Bất động sản & Khu công nghiệp	1.1%	1.1%	2.6%	1.3%	16.7%	3.3%	24.4%
Bất động sản Khu công nghiệp	1.0%	1.0%	6.0%	4.4%	25.7%	26.6%	28.5%
Cổ phiếu ngành Dược	1.0%	1.0%	2.1%	2.9%	17.6%	7.7%	20.8%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.8%	0.8%	1.9%	4.6%	20.7%	5.9%	27.2%

Mục tiêu	5/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L32	2.4%	2.4%	4.3%	13.0%	29.5%	4.6%	30.3%
S32	2.2%	2.2%	5.2%	10.0%	28.3%	4.0%	33.1%
S21	2.0%	2.0%	3.4%	4.8%	26.8%	9.6%	27.3%
M22	1.6%	1.6%	3.0%	4.7%	19.1%	12.8%	25.5%
S11	1.5%	1.5%	4.0%	7.8%	26.6%	25.7%	25.3%
M31	1.3%	1.3%	3.1%	5.8%	25.6%	9.0%	30.0%
M12	1.3%	1.3%	3.2%	6.3%	19.0%	6.1%	25.2%
L22	0.8%	0.8%	2.5%	3.0%	23.1%	4.5%	27.3%
L11	0.7%	0.7%	1.3%	2.3%	18.1%	4.8%	24.1%

Khẩu vị Rủi ro	1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	1.8%	1.8%	3.0%	7.0%	23.8%	7.4%	28.1%
MID1	1.2%	1.2%	3.8%	5.9%	27.2%	22.7%	25.1%
LOW1	1.1%	1.1%	2.6%	3.6%	15.4%	3.6%	25.1%

INDEX							
VNINDEX	1.5%	1.5%	2.9%	5.2%	15.4%	-0.9%	24.0%
VN30INDEX	1.6%	1.6%	2.8%	6.9%	19.1%	4.4%	25.3%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	26	17	9	17	9	20	6
Mục tiêu	9	5	4	5	4	7	2
Rủi ro	3	1	2	1	2	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

https://invest.bsc.com.vn/#/login

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 09/11

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	37.95	2.18%	3.10%	-8.49%	-29.18%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	40.29	2.13%	3.39%	-7.95%	-30.58%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	110.21	1.63%	4.76%	-8.21%	-26.29%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1958.42	0.36%	3.32%	3.41%	33.73%		PNJ
Bạc	USD/ounce	25.77	0.62%	6.98%	8.10%	50.67%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1102.50	0.09%	4.78%	5.20%	13.54%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	601.25	-0.12%	-1.03%	1.01%	10.63%		AFX
Sữa	USD /cwt	23.22	0.09%	-2.44%	20.31%	33.60%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	208.04	-3.34%	-12.98%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.91	2.97%	3.83%	5.45%	10.69%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	109.45	0.92%	2.43%	-2.10%	-11.48%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6946.50	1.37%	3.39%	4.01%	17.28%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	583.49	2.24%	5.30%	11.52%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	603.25	1.80%	4.28%	11.05%			
Nhôm	USD/ton	1901.50	0.21%	2.87%	6.62%	5.20%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	123.45	3.44%	3.64%	5.85%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	62.35	-0.08%	3.83%	0.32%	-17.25%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu Brent Biển Bắc giao tháng 1/2021 tăng 82 xu Mỹ (2,1%) lên 40,27 USD/thùng, còn giá dầu thô ngọt nhẹ Mỹ (WTI) giao tháng 12/2020 được giao dịch ở mức 37,98 USD/thùng, tăng 84 xu Mỹ (2,3%).
- Giá dầu đã phục hồi sau khi giảm 4% hôm 6/11, hòa chung xu hướng đi lên cùng với các thị trường tài chính khác sau khi ông Biden giành chiến thắng cuộc bầu cử tổng thống Mỹ hôm 8/11.

Giá vàng

Kim loại quý trên thị trường thế giới tăng mạnh đầu ngày 9.11 từ 1.950 USD/ounce lên 1.960,8 USD/ounce và đột ngột quay đầu giảm còn 1.956 USD/ounce. Việc ông Joe Biden đắc cử Tổng thống Mỹ được kỳ vọng nền kinh tế Mỹ sẽ có nhiều gói kích thích hỗ trợ kinh tế hơn trước dịch Covid-19 đang bùng phát.

	9/11	% 9/11	6/11	% 6/11	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	951.99	1.46%	938.29	0.06%	1.96%	3.61%
S&P 500			3509.44	-0.03%	7.32%	2.63%
HĐTL S&P500	3552.75	1.49%	3500.75	-0.11%	7.64%	3.35%
Shang- hai	3373.73	1.86%	3312.16	-0.24%	4.61%	4.84%
Euro Stoxx	3255.69	1.61%	3204.05	-0.36%	7.82%	0.00%

BSC

Phân tích kỹ thuật

TNG_Bứt phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD vượt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: trung lập, phá kênh Bollinger trên.

Nhận định: TNG vừa tạo thành một phiên bứt phá khỏi ngưỡng kháng cự 13.3 khá mạnh mẽ nhờ hiệu ứng từ dòng tiền chảy vào nhóm cổ phiếu TPP. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt xa trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều đang ủng hộ nhịp hồi phục ngắn hạn. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, nhà đầu có thể mở vị thế cổ phiếu quanh ngưỡng giá 13.5 và cân nhắc chốt lãi khi cổ phiếu tiệm cận vùng 17-18, cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ 12.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

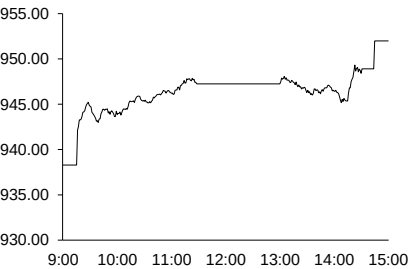
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dầu khí	0.70%
Y tế	0.98%
Bán lẻ	1.06%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.11%
Xây dựng và Vật liệu	1.18%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.21%
Bảo hiểm	1.32%
Ngân hàng	1.32%
Bất động sản	1.42%
Truyền thông	1.48%
Dịch vụ tài chính	1.49%
Ô tô và phụ tùng	1.52%
Thực phẩm và đồ uống	1.53%
Viễn thông	1.64%
Du lịch và Giải trí	1.65%
Công nghệ Thông tin	1.68%
Hóa chất	1.76%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.84%
Tài nguyên Cơ bản	2.87%

Hình 1

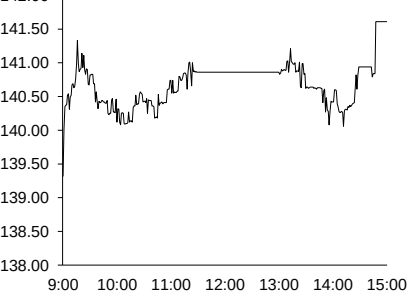
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

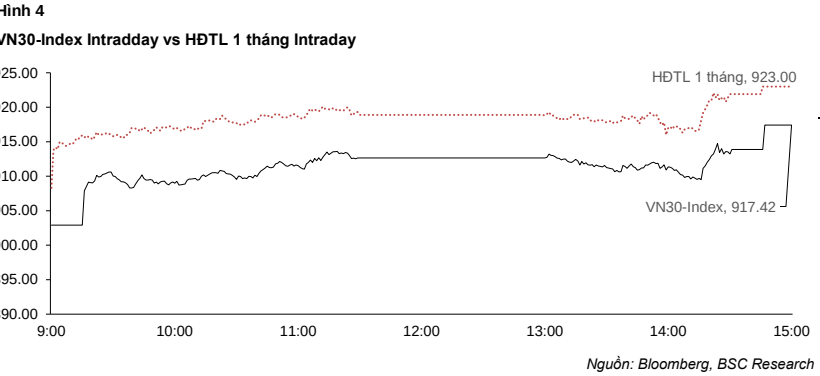
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
11/6/2020	DXG	12.6	14.75	11	12.9	3	2.38%	Có thể tiếp tục mua
11/5/2020	HDC	23.45	29.5	21	25	4	6.61%	Có thể tiếp tục mua
11/3/2020	GVR	15.5	18.75	13	15.4	6	-0.65%	Có thể tiếp tục mua
11/2/2020	FIR	24.5	27	23.5	24.85	7	1.43%	Có thể tiếp tục mua
10/30/2020	MWG	104.7	120	100	105.7	10	0.96%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/29/2020	IMP	49	58	46	52.5	11	7.14%	Có thể tiếp tục mua
10/28/2020	PDR	39.47	44.9	35.55	40.8	12	3.37%	Có thể tiếp tục mua
10/27/2020	KDH	24.3	26.75	23.5	24.85	13	2.26%	Có thể tiếp tục mua
10/22/2020	SJS	24.6	29	22.5	24.4	18	-0.81%	Có thể tiếp tục mua
10/21/2020	DHC	46	52	44	49.15	19	6.85%	Có thể tiếp tục mua
10/16/2020	FPT	53.2	60	50	53.4	24	0.38%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/15/2020	ACV	61.8	70	60	63.1	25	2.10%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/1/2020	SBT	15.3	17.43	13.56	15.9	39	3.92%	Có thể tiếp tục mua
9/29/2020	VNM	109.2	120.5	98.5	108.8	41	-0.37%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/25/2020	FCN	11.35	13	10	11.05	45	-2.64%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/22/2020	PVD	11.45	13.5	10.5	11.35	48	-0.87%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/21/2020	KBC	13.85	15.5	13	14.4	49	3.97%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/17/2020	PTB	53.3	60	48	53.4	53	0.19%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/14/2020	TCT	26.49	33.18	23.71	27.4	56	3.44%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/11/2020	HDG	24.1	28	21	24.8	59	2.90%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/10/2020	GMD	23.8	26.7	20.5	24.9	60	4.62%	Có thể tiếp tục mua
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	24.2	74	-4.72%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	45	91	1.35%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	37.5	138	22.19%	Cần nhắc không mua thêm (**)
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	78	146	4.14%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
11/4/2020	PWA	10.4	11.5	9.2	TP	5	10.58%
10/26/2020	PHR	56.5	60	55	SL	3	-2.65%
10/23/2020	CSM	17.3	20	15.75	SL	6	-8.96%
10/20/2020	TCM	25.05	28	22	TP	20	11.78%
10/19/2020	DRI	4.8	5.4	3.8	TP	1	12.50%
10/14/2020	TCB	22.85	26	21.5	SL	16	-5.91%
10/13/2020	STK	15.75	17.5	15	TP	16	11.11%
10/12/2020	BWE	25.85	29	25	SL	10	-3.29%
10/9/2020	SAB	193	212.5	185	SL	4	-4.15%
10/8/2020	PPC	24	26.5	23	SL	14	-4.17%
Chú thích: Thống kê 10 mã đóng vị thế gần nhất					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	19	6	4.22%	-1.68%	2.81%	42
Cổ phiếu đã chốt	49	35	12.21%	-7.57%	3.97%	25

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2011	923.00	1.62%	5.58	-12.3%	98,304	11/19/2020	12
VN30F2012	921.00	1.53%	3.58	-4.6%	539	12/17/2020	40
VN30F2103	919.70	1.50%	2.28	57.1%	55	3/18/2021	131
VN30F2106	917.30	1.30%	-0.12	60.0%	64	6/17/2021	222

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 14.51 điểm lên 917.42 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như MSN, HPG, TCB, VHM và FPT tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 tăng dần từ đầu phiên sáng đến cuối phiên chiều. VN30 có thể hướng tới khu vực 920-925 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2011 và VN30F2012 giảm trong khi VN30F2103 và VN30F2106 tăng. Mặt khác, chỉ có duy nhất VN30F2103 tăng về vị thế mở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 919 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2008	11/30/2020	21	1:1	150,180	37.42%	4,100	10,550	14.05%	3,687	2.86	32,100	28,000	31,500
CHPG2002	12/16/2020	37	2:1	145,660	37.42%	1,700	4,260	11.81%	1,212	3.51	33,399	29,999	31,500
CHPG2019	12/18/2020	39	2:1	416,240	37.42%	1,630	3,850	11.59%	3,769	1.02	27,360	24,100	31,500
CHPG2012	1/18/2021	70	1:1	156,410	37.42%	6,100	12,400	11.21%	5,556	2.23	32,600	26,500	31,500
CHPG2010	4/5/2021	147	4:1	605,560	37.42%	1,800	2,070	10.11%	640	3.23	40,300	33,100	31,500
CDPM2002	12/16/2020	37	1:1	198,450	42.97%	1,700	4,180	10.00%	2,712	1.54	16,952	15,252	17,750
CHPG2016	1/14/2021	66	2:1	528,420	37.42%	2,200	5,660	9.90%	2,348	2.41	31,900	27,500	31,500
CVHM2009	4/1/2021	143	10:1	541,980	38.30%	1,400	1,360	8.80%	1,134	1.20	86,000	72,000	78,000
CHPG2015	3/1/2021	112	1:1	133,900	37.42%	6,700	12,500	8.23%	5,974	2.09	33,200	26,500	31,500
CVHM2007	2/8/2021	91	5:1	366,790	38.30%	2,900	1,720	8.18%	1,588	1.08	89,500	75,000	78,000
CHPG2017	2/18/2021	101	4:1	778,630	37.42%	1,000	1,240	6.90%	1,035	1.20	32,888	28,888	31,500
CPNJ2006	1/14/2021	66	10:1	400,230	40.19%	1,000	1,690	3.68%	1,594	1.06	69,000	59,000	74,000
CVIC2005	6/11/2021	214	10:1	515,770	35.91%	1,500	1,850	2.78%	1,260	1.47	121,868	106,868	106,100
CMWG2012	2/8/2021	91	5:1	135,930	41.92%	4,390	5,990	1.53%	5,472	1.09	100,539	78,893	105,700
CPNJ2009	4/1/2021	143	8:1	344,410	40.19%	1,400	2,480	1.22%	2,290	1.08	69,200	58,000	74,000
CVNM2011	6/11/2021	214	20:1	1,255,750	32.01%	1,100	1,040	0.00%	202	5.16	127,438	109,387	108,800
CHPG2023	1/12/2021	64	1:1	295,020	37.42%	2,100	3,700	0.00%	3,912	0.95	30,600	28,500	31,500
CMWG2010	1/14/2021	66	10:1	332,760	41.92%	1,400	2,710	0.00%	2,492	1.09	94,672	80,865	105,700
CVIC2004	4/27/2021	169	20:1	874,120	35.91%	1,000	960	0.00%	730	1.32	119,999	99,999	106,100
CHPG2022	5/4/2021	176	2:1	197,060	37.42%	2,100	3,460	-0.29%	3,105	1.11	31,200	27,000	31,500
Tổng				8,373,270	38.09%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
				**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 9/11/2020, chứng quyền và chứng khoán cơ sở đa số ở trong sắc xanh. Giá trị giao dịch tăng so với phiên hôm trước.
- Về giá, CTCB2005 và CNVL2001 tăng mạnh nhất lần lượt là 46.5% và 23.8%, ở chiều hướng ngược lại, CVHM2001 và CVIC2001 giảm mạnh nhất lần lượt là 46.7% và 34%. Thanh khoản thị trường tăng 8.43%. CHPG2016 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.59% thị trường.
- Có 14/121 chứng quyền có giá thị trường thấp hơn giá lý thuyết. CMSN2010 và CMWG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMSN2012 và CMSN2008 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	105.7	0.7%	1.2	2,080	4.1	8,517	12.4	3.1	49.0%	29.0%
PNJ	Bán lẻ	74.0	1.0%	1.2	724	4.9	4,592	16.1	3.4	48.9%	22.8%
BVH	Bảo hiểm	52.9	1.7%	1.5	1,707	2.2	1,731	30.6	1.9	28.4%	7.1%
PVI	Bảo hiểm	29.2	0.0%	0.3	284	0.0	2,729	10.7	1.0	54.4%	9.1%
VIC	Bất động sản	106.1	1.0%	0.8	15,603	3.7	2,660	39.9	4.2	13.8%	11.0%
VRE	Bất động sản	26.1	2.0%	1.1	2,579	3.8	1,001	26.1	2.1	30.0%	8.1%
VHM	Bất động sản	78.0	3.0%	1.2	11,156	12.6	6,895	11.3	3.4	21.9%	35.4%
DXG	Bất động sản	12.9	2.4%	1.4	291	5.5	(151)	N/A	N/A	1.0	-1.3%
SSI	Chứng khoán	17.5	2.0%	1.3	457	3.0	1,834	9.5	1.1	50.0%	11.5%
VCI	Chứng khoán	38.6	0.0%	1.0	278	0.7	3,770	10.2	1.6	26.9%	15.9%
HCM	Chứng khoán	22.3	2.8%	1.6	295	2.2	1,705	13.1	1.5	48.8%	11.8%
FPT	Công nghệ	53.4	1.9%	0.8	1,820	4.6	4,236	12.6	2.8	49.0%	23.1%
FOX	Công nghệ	50.9	0.2%	0.4	606	0.0	4,812	10.6	2.7	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	71.4	0.8%	1.4	5,942	2.2	4,752	15.0	2.9	3.0%	19.7%
PLX	Dầu khí	48.5	0.4%	1.5	2,570	0.6	682	71.1	2.9	16.0%	4.3%
PVS	Dầu khí	13.7	1.5%	1.5	285	3.0	1,621	8.5	0.5	10.1%	6.3%
BSR	Dầu khí	6.8	0.0%	0.8	917	0.4	898	7.6	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	104.0	1.0%	0.5	591	0.0	5,405	19.2	4.1	54.8%	21.7%
DPM	Hóa chất	17.8	3.5%	0.4	302	3.9	2,011	8.8	0.9	12.0%	10.4%
DCM	Hóa chất	13.1	4.4%	0.5	300	2.9	872	15.0	1.1	3.8%	7.4%
VCB	Ngân hàng	85.5	0.6%	1.1	13,787	3.7	4,630	18.5	3.4	23.6%	19.7%
BID	Ngân hàng	39.3	0.5%	1.3	6,864	2.0	2,126	18.5	2.0	17.3%	12.5%
CTG	Ngân hàng	31.0	2.3%	1.2	5,010	10.6	2,948	10.5	1.4	29.3%	14.0%
VPB	Ngân hàng	23.9	1.5%	1.2	2,528	4.3	4,111	5.8	1.2	23.2%	22.2%
MBB	Ngân hàng	18.3	1.4%	1.1	2,200	2.9	2,995	6.1	1.1	23.0%	20.0%
ACB	Ngân hàng	25.4	1.2%	0.9	2,387	6.5	3,109	8.2	1.7	30.0%	23.0%
BMP	Nhựa	54.5	1.9%	0.8	194	0.4	6,186	8.8	1.9	80.9%	20.7%
NTP	Nhựa	33.1	0.3%	0.4	170	0.1	3,820	8.7	1.5	19.0%	17.5%
MSR	Tài nguyên	16.0	2.6%	0.4	688	0.1	356	44.9	1.3	1.7%	2.9%
HPG	Thép	31.5	3.6%	1.2	4,538	24.8	3,241	9.7	1.9	33.8%	21.3%
HSG	Thép	17.7	4.7%	1.6	341	11.4	2,591	6.8	1.2	9.7%	19.1%
VNM	Tiêu dùng	108.8	0.0%	0.8	9,885	5.1	4,784	22.7	7.7	58.0%	35.3%
SAB	Tiêu dùng	183.7	-0.2%	0.8	5,122	0.8	6,312	29.1	5.9	63.1%	22.6%
MSN	Tiêu dùng	95.6	6.3%	1.1	4,883	9.9	2,067	46.3	5.5	34.5%	8.9%
SBT	Tiêu dùng	15.9	5.0%	0.9	406	4.0	702	22.6	1.3	5.8%	5.5%
ACV	Vận tải	63.1	0.2%	0.8	5,973	0.3	3,450	18.3	3.7	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	106.0	0.3%	1.1	2,414	2.2	(1,528)	N/A	N/A	4.0	-5.6%
HVN	Vận tải	26.0	4.4%	1.7	1,603	0.6	(7,345)	N/A	N/A	5.4	-83.7%
GMD	Vận tải	24.9	6.0%	0.9	321	2.4	1,179	21.1	1.3	49.0%	5.8%
PVT	Vận tải	14.1	2.2%	1.2	173	1.7	1,966	7.2	0.8	17.4%	12.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	75.0	1.6%	1.0	506	0.9	8,260	9.1	3.5	2.9%	40.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	23.2	0.0%	0.7	452	0.0	1,411	16.4	1.6	7.7%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.3	5.5%	0.9	270	0.8	1,762	9.2	1.1	5.9%	11.9%
CTD	Xây dựng	58.2	2.5%	1.0	193	2.2	7,504	7.8	0.5	46.3%	6.9%
CII	Xây dựng	16.7	0.3%	0.3	173	0.7	114	146.3	0.8	31.6%	0.5%
REE	Điện	42.1	0.4%	-1.4	567	0.9	4,599	9.1	1.2	49.0%	13.7%
PC1	Điện	24.3	6.8%	-0.4	168	1.7	2,689	9.0	1.0	14.2%	9.9%
POW	Điện	10.1	2.8%	0.6	1,023	2.3	679	14.8	0.8	9.7%	5.8%
NT2	Điện	22.8	0.4%	0.6	285	0.1	2,103	10.8	1.6	19.4%	14.6%
KBC	Khu công nghiệp	14.4	1.8%	0.8	294	0.6	879	16.4	0.7	18.1%	4.4%
BCM	Khu công nghiệp	39.6	1%	1.0	1,782	0.0	#N/A	N/A	N/A	2.7	1.8% #VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	78.00	3.04	2.16	3.75MLN
MSN	95.60	6.34	1.88	2.47MLN
HPG	31.50	3.62	1.02	18.31MLN
VIC	106.10	0.95	0.95	803680
CTG	30.95	2.31	0.73	7.89MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
NVL	0.00	-0.17	1.74MLN	1.11MLN
SAB	0.00	-0.07	98730	607060
KOS	0.00	-0.03	300940.00	373600
ASG	0.00	-0.03	23670.00	192700
FLC	0.00	-0.03	36.79MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TNT	1.84	6.98	0.00	452760.00
VDS	8.13	6.97	0.02	3020
TNC	29.15	6.97	0.01	1070
DGC	45.35	6.96	0.12	3.90MLN
VAF	9.86	6.94	0.01	10

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SVT	14.90	-6.88	0.00	2140
MCP	26.50	-6.85	-0.01	210
DXV	3.45	-6.76	0.00	500.00
SRF	12.60	-6.32	-0.01	1040
KPF	12.90	-5.84	0.00	1890

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

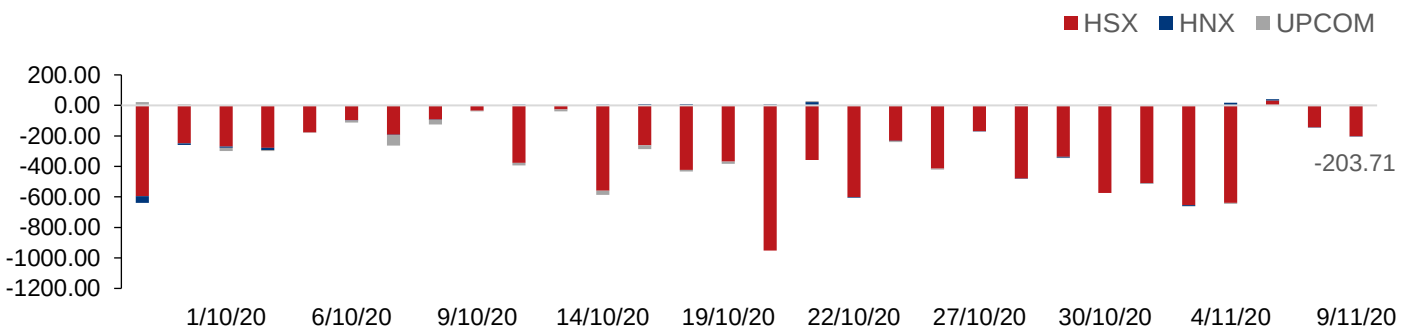
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	17.00	5.59	1.25	7.66MLN
ACB	25.40	1.20	0.61	5.90MLN
VIX	15.70	9.79	0.14	2.28MLN
SHS	13.30	2.31	0.06	2.14MLN
TNG	13.30	9.02	0.05	2.77MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIF	16.50	-6.78	-0.04	9600
NVB	8.70	-1.14	-0.04	1.79MLN
PHP	12.60	-5.26	-0.02	23400
CTB	28.60	-5.30	-0.01	2000
SRA	9.60	-3.03	-0.01	380200

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	1.10	10.0	0.00	114300
CKV	13.20	10.0	0.00	100
PJC	25.30	10.0	0.01	100
SAF	52.80	10.0	0.01	300
TPH	10.00	9.9	0.00	11800.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NST	8.10	-10.00	0.00	9500
GDW	23.80	-9.85	0.00	1600
SDN	17.90	-9.60	0.00	100
VCC	10.40	-9.57	-0.01	3000
TTC	11.40	-9.52	0.00	200

Hình 3
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	105.7	8,517	12.4	3.1	Click
2	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.8	885	9.9	0.7	Click
3	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	44.0	5,130	8.6	1.5	Click
4	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	24.9	2,066	12.0	1.8	Click
5	HPG	Vật liệu Xây dựng	Mua	11/8/20	24.3	30.0	31.5	3,241	9.7	1.9	Click
6	NLG		Mua	24/6/20	25.0	34.6	27.3	2,627	10.4	1.4	Click
7	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	23.9	4,111	5.8	1.2	Click
8	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	42.5	13,673	3.1	1.1	Click
9	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	95.6	2,067	46.3	5.5	Click
10	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	45.4	5,316	8.5	1.7	Click
11	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	17.7	2,591	6.8	1.2	Click
12	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	45.0	5,479	8.2	2.2	Click
13	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	25.4	1,816	14.0	2.0	Click
14	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	31.5	3,241	9.7	1.9	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	22.1	3,258	6.8	1.1	Click
16	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	74.0	4,592	16.1	3.4	Click
17	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	110.1	4,105	26.8	9.4	Click
18	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	12.9	-151	#N/A N/A	1.0	Click
19	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	24.0	1,928	12.5	1.5	Click
20	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	24.8	6,870	3.6	1.3	Click
21	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	27.6	4,752	5.8	1.2	Click
22	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	65.8	5,241	12.6	2.7	Click
23	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	85.5	4,630	18.5	3.4	Click
24	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	25.4	3,109	8.2	1.7	Click
25	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	44.0	5,130	8.6	1.5	Click
26	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	57.8	3,674	15.7	2.5	Click
27	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	53.4	4,236	12.6	2.8	Click
28	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	24.9	1,179	21.1	1.3	Click
29	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	14.4	879	16.4	0.7	Click
30	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	183.7	6,312	29.1	5.9	Click
31	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.9	2,066	12.0	1.8	Click
32	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	108.8	4,784	22.7	7.7	Click
33	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	11.3	1,412	8.0	0.7	Click
34	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	105.7	8,517	12.4	3.1	Click
35	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	20.2	1,918	10.5	1.5	Click
36	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	104.0	5,405	19.2	4.1	Click
37	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	14.1	1,966	7.2	0.8	Click
38	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	74.0	4,592	16.1	3.4	Click
39	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	32.7	4,313	7.6	1.5	Click
40	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	245.0	14,782	16.6	6.8	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		X	Click
2	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	X		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	X		Click
4	Chemical sector Outlook 2H.2020		X	Click
5	Banking sector Outlook 2H.2020		X	Click
6	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	X		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		X	Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	X		Click
9	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	X		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	X		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	X		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
13	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	X		Click
14	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	X		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	X		Click
16	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	X		Click
17	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
18	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	X		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	X		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
21	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	X		Click
22	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
23	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	X		Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	X		Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	X		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	X		Click
28	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	X		Click
29	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	X		Click
31	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
32	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	X		Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	X		Click
34	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	X		Click
36	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	X		Click
38	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	X		Click
40	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VJC 2020Q3	17/9/20	Dự báo KQKD: BSC ước tính doanh thu thuần năm 2020 của VJC đạt 27,894 tỷ (-45% YoY) với giả định sản lượng hành khách giảm 70% (Tương đương 31% khách nội địa và 89% khách quốc tế), giá cước phí hàng không giảm 5% để cạnh tranh với các hãng hàng không khác. LNST ước đạt 5 tỷ đồng -99% YoY
Express TNG 2020Q3	22/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 13400 Dự báo KQKD: Năm 2020, công ty đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 4,600 tỷ và 230 tỷ, tương đương với thực hiện năm 2019. Cổ tức năm 2020 dự kiến là 16% (cả tiền mặt và cổ phiếu)
Express NKG 2020Q4	22/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7950 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần của NKG đạt 11,808 tỷ đồng (-11.2% YoY), LNST từ hoạt động kinh doanh cốt lõi (không tính LN bất thường) là 142 tỷ (gấp 2 cùng kỳ), tương đương EPS = 823 đồng/CP.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639